

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 25-02-2021

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Triệu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 237/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/HSST-QĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/. Trần Văn L; Sinh năm 1992 tại Cần Thơ; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Khu vực Thạnh Phước 1, phường TH, quận TN, Thành phố CT; Nơi cư trú: xxx ấp Nam Lân, xã BĐ, huyện HM, Tp.HCM; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L và bà Lý Thị C; Có vợ: Lê T T và 02 con (trẻ lớn sinh năm 2013, trẻ nhỏ sinh năm 2015); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 07/8/2020 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HM (có mặt).

2/. Trần Duy T; Sinh năm 1995 tại Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: yy đường Nguyễn Văn Kinh, Khóm 2, Phường 7, Tp. BL, tỉnh BL; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Đ và bà Mạc Thị Bé H; Vợ con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 07/8/2020 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HM (có mặt).

3/. Phan Trung N; Sinh năm 1987 tại Bến Tre; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn D và bà Nguyễn Thị D; Vợ con: chưa có; Tiền án: 05, cụ thể:

+ Ngày 28/7/2005 bị Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 126/2005/HSST, đã chấp hành xong bản án ngày 07/01/2006;

+ Ngày 10/11/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 87/2006/HSST, đã chấp hành xong bản án ngày 02/6/2008;

+ Ngày 24/11/2008 bị Tòa án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 197/HSST, đã chấp hành xong bản án ngày 17/01/2012;

+ Ngày 31/10/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 302/2012/HSST, đã chấp hành xong hình phạt, án phí ngày 26/3/2016;

+ Ngày 10/11/2016 bị Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 331/2016/HSST, đã chấp hành hình phạt ngày 23/3/2020.

Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 31/8/2020 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HM (có mặt).

4/. Nguyễn Mạnh T1; Sinh năm 1977 tại Tp.HCM; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: zzz Nguyễn Thái Bình, Phường 4, quận TB, Tp.HCM; Nơi cư trú: aaa Khu phố 1, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM; Nghề nghiệp: chạy xe ôm; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn A và bà Lê Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn năm 2020) và 01 con (sinh năm 2013); Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 23/12/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 12, Tp.HCM áp dụng biện pháp hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc 15 tháng; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 31/8/2020 hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HM (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng:

+ *Bị hại:* Anh Mai Tuyên L, sinh năm 1989; Địa chỉ: bbb Quang Trung, Phường 12, quận GV, Tp.HCM (có mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Đỗ Kim L, sinh năm 1984; Địa chỉ: ccc Quang Trung, phường 12, GV, Tp.HCM; Nơi ở: ddd, tổ 106, ấp Cây Trắc, phường Phú Hòa Đông, huyện CC, Tp.HCM (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1993; Địa chỉ: ddd đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân 1, xã BĐ, huyện HM, Tp.HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 20 phút ngày 01/8/2020, Trần Văn L điện thoại cho Trần Duy T rủ T đi cướp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. L chuẩn bị 01 cây côn ba khúc bằng kim loại, 02 nón bảo hiểm hiệu “Be” màu vàng, đen, 01 áo khoác của hãng xe ôm công nghệ “Be” màu vàng - đen rồi điều khiển xe gắn máy hiệu Luvias biển số 59V1 - 136.26 đến tiệm net trên đường Bà Điểm 12, xã BD, huyện HM gặp T. Tại đây L đưa cho T 01 nón bảo hiểm và áo khoác xe ôm công nghệ “Be” (màu vàng - đen) mặc vào và đưa xe gắn máy cho T điều khiển chở L mặc áo khoác dài tay (màu đen) lưu thông trên đường Trương Thị Như. Khi đến trước nhà số 4/13 ấp 4, xã Xuân TTS, huyện HM, TP.HCM thì phát hiện thấy anh Mai Tuyền L điều khiển xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 nên T quay xe lại đuôi theo vượt lên từ phía sau và dùng chân đạp vào xe anh L té ngã, Lợi xuống xe lấy 01 gậy ba khúc bằng kim loại mang theo sẵn trong người ra uy hiếp, thấy vậy anh L bỏ xe chạy bộ thì L dừng xe lên, do xe dùng ổ khóa điện tử nên khi đổ không tắt máy nên L điều khiển xe Honda Airblade biển số 59V3 – 300.82 vừa cướp được chạy trước, T điều khiển xe Luvias biển số 59V1 – 136.26 chạy sau tẩu thoát về chung cư Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn. Tại đây Lợi gọi điện thoại cho Phan Trung N nói vừa cướp được chiếc xe Airblade nhờ bán giúp, N đồng ý. N kêu Độ (chưa rõ lai lịch) chở bằng xe Atila (không rõ biển số) đi đến gặp L. L đồng ý giao xe cho N cùng Đ đẩy vào bãi xe Chợ đầu mối gửi. Đến 07 giờ sáng ngày 02/8/2020 N gọi điện thoại cho Nguyễn Mạnh T1 nhờ T1 bán xe giúp, T1 kêu mang xe đến nhà T1 xem thì Độ và N vào bãi lấy xe đẩy đến sân nhà T1 gọi điện thoại cho T1 thì T1 kêu N (chưa xác rõ lai lịch) đi xem xe và N trả giá 8.000.000 đồng, T1 trả N 6.000.000 đồng. N gọi điện cho L nói bán 6.000.000 đồng, L không đồng ý và nói là bán 7.000.000 đồng thì N hỏi bán xong cho N và Đ bao nhiêu, Lợi nói cho N và Đ 1.000.000 đồng, N kêu cho N và Đ 2.000.000 đồng, xong N quay ra nói với T1 bán với giá 7.000.000 đồng, T1 kêu N đưa xe cho T1 đem về nhà khi nào bán được xe đem tiền đến cho. Sau đó, T1 đưa xe cho Nhã đem xe đi bán nhưng chưa lấy được tiền thì bị Công an huyện HM phát hiện bắt giữ. Sau khi bị cướp xe anh L đến trình báo vụ việc với Công an Hóc Môn lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HM, Trần Duy T, Trần Văn L, Phan Trung N và Nguyễn Mạnh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại, 01 quần thun dài màu đen, 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 áo khoác dài tay của hãng xe ôm công nghệ “Be” màu vàng - đen, 02 nón bảo hiểm của hãng xe ôm công nghệ “Be”, 01 điện thoại di động Redmi màu xanh thu giữ của Lợi, 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu đen có số điện thoại 0398410956 thu của N, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen có số điện thoại 0927785463 thu giữ của T1, 01 miếng ốp kim loại để chân của xe Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 của bị hại Long giao nộp;

- 01 xe gắn máy Luvias nhãn hiệu Yamaha biển số 59V1 – 136.26.

Kết luận định giá tài sản số: 143/KL – HDDGTS ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện HM, TP.HCM xác định chiếc xe gắn máy hiệu Honda AirBlade màu xanh xám đen biển số 59V3 – 300.82 có trị giá 55.000.000 đồng.

Đối với tên Đ (chưa rõ lai lịch) là người đi cùng N đến gặp Lợi lấy xe gắn máy hiệu Honda AirBlade do Lợi và T vừa cướp được và đi cùng N đem xe đến bán cho T1. N khai chỉ gặp Độ cách đó 03 ngày ở khu vực Chợ đầu mối nông sản Hóc Môn, N không biết Đ họ tên đầy đủ là gì, cư trú ở đâu, sau khi N và Đ đến gặp T1, giao xe cho T1 thì N không gặp lại Đ.

Đối với Hoàng Minh Nh (chưa rõ lai lịch) là người do T1 giao xe gắn máy hiệu Honda AirBlade mang đi bán, T1 khai nhận Nhã là đối tượng nghiện ma túy đá, khi N mang xe đến gặp T1, tại đây T1 để Nh mang xe đi bán theo đề nghị của N rồi cầm tiền về đưa lại cho T1 và N, nhưng sau đó Nhã không quay lại cũng không đưa tiền hay liên lạc gì cho T1. Cơ quan điều tra đã cho T1 xác định nơi ở của Nh, qua xác minh Nh không có mặt tại địa phương nên đã ra Thông báo truy tìm đối với Nh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HM tiếp tục xác minh làm rõ đối với tên Độ (chưa rõ lai lịch) và tên Hoàng Minh Nh, khi nào bắt được sẽ điều tra thu giữ vật chứng xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 và đề nghị xử lý sau.

Về dân sự: Ngày 04/11/2020 mẹ ruột của Trần Duy T là bà Mạc Thị Bé H đã khắc phục hậu quả cho bị hại Long số tiền là 5.000.000 đồng. Bị hại Mai Tuyền L yêu cầu các bị cáo Trần Duy T và Trần Văn L bồi thường đối với tài sản bị cướp theo kết quả định giá do Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện HM, TP.HCM đã định giá.

Tại bản Cáo trạng số 226/CT-VKS-HS ngày 10/12/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện HM truy tố: Các bị cáo Trần Duy T và Trần Văn L về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Trung N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Mạnh T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trần Văn L và Trần Duy T đã có hành vi ngang nhiên công khai dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công làm cho bị hại là anh Mai Tuyền L lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của anh Long 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 có trị giá 55.000.000 đồng.

Phan Trung N và Nguyễn Mạnh T1 không hứa hẹn trước, biết rõ xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 là do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tìm cách để tiêu thụ nhằm hưởng lợi.

Hành vi của Trần Văn L, Trần Duy T, Phan Trung N và Nguyễn Mạnh T1 là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Viện Kiểm sát quyết định truy tố bị cáo Trần Duy T, bị cáo Trần Văn L về tội “Cướp tài sản” với tình tiết sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm và chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Trung N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với tình tiết tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Mạnh T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn L và Trần Duy T có N thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tình tiết tăng nặng: không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Trần Văn L và Trần Duy T mỗi bị cáo từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với bị cáo Phan Trung N: Bị cáo N đã từng có 05 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích thì N tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Lần phạm tội này thuộc trường hợp định khung hình phạt với tình tiết tái phạm nguy hiểm theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự. Xét thấy Phan Trung N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tình tiết tăng nặng: không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T1: bị cáo T1 có N thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tình tiết tăng nặng: không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T1 từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về dân sự: bị hại Mai Tuyên L yêu cầu các bị cáo Trần Duy T và Trần Văn L bồi thường giá trị tài sản bị cướp với số tiền là 55.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 27.500.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo Trần Duy T đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 04/11/2020. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Duy T tiếp tục bồi thường cho bị hại Long số tiền 22.500.000 đồng và buộc bị cáo Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Long số tiền là 27.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với những vật chứng liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng gồm: 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại, 01 quần thun dài màu đen, 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 áo khoác dài tay của hãng xe ô tô công nghệ “Be” màu vàng - đen, 02 nón bảo hiểm của hãng xe ô tô công nghệ “Be” và 01 miếng ốp kim loại để chân của xe Air Blade biển số 59V3 – 300.82, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1

Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Redmi màu xanh thu giữ của Lợi, 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu đen thu giữ của N, 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu đen thu giữ của T1 là phương tiện liên lạc các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe gắn máy Luvias nhãn hiệu Yamaha biển số 59V1 – 136.26 qua xác minh xe do bà Đỗ Kim L đứng tên chủ sở hữu đã bán xe vào năm 2013 cho một người đàn ông nhưng không nhớ rõ họ tên địa chỉ của người mua xe. Bị cáo Trần Văn L khai xe này do Lợi mua giấy tay vào ngày 29/7/2020 tại tiệm cầm đồ Hoàng Linh do ông Nguyễn Văn L làm chủ. Ông Nguyễn Văn L (là người đã bán xe gắn máy Luvias nhãn hiệu Yamaha biển số 59V1 – 136.26 cho Trần Văn L) yêu cầu Lợi trả lại số tiền còn lại đã mua xe máy là 3.500.000 đồng. Xét thấy xe này do Trần Văn L mua từ ông Nguyễn Văn L, Lợi dùng chiếc xe này làm phương tiện chở Trần Duy T thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, Lợi, N, T1 nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện HM. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HM, Điều tra viên, Viện Kiểm sát Nhân dân huyện HM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay qua phần xét hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo Trần Văn L và Trần Duy T thừa nhận các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công làm cho bị hại là anh Mai Tuyến L lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của anh L 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 có trị giá 55.000.000 đồng.

Bị cáo Phan Trung N thừa nhận bị cáo biết chiếc xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 là xe do bị cáo L và bị cáo T vừa cướp được nhưng lại đồng ý giúp L mang xe đến bán cho T1 nhằm hưởng lợi.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T1 thừa nhận bị cáo biết chiếc xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59V3 – 300.82 là xe do bạn của bị cáo N cướp được mà có nhưng lại đồng ý bàn bạc với tên Nh mua lại xe để hưởng lợi.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện HM nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Duy T và bị cáo Trần Văn L phạm tội “Cướp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Trung N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với tình tiết tái phạm nguy hiểm, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Mạnh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: trong vụ án này, các bị cáo Trần Duy T và Trần Văn L cùng thực hiện việc “Cướp tài sản” nhưng hành vi của các bị cáo do nhất thời phạm tội, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc công việc cụ thể, do đó, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Đối với các bị cáo Phan Trung N và Nguyễn Mạnh T1 mặc dù không hứa hẹn trước nhưng các bị cáo nhận thức rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vì mục đích tư lợi, muốn kiếm tiền nên các bị cáo N và T1 đã đồng ý tìm cách tiêu thụ để hưởng lợi.

Bằng hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tiếp tay cho những hành vi phạm tội khác làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận không tốt trong Nhân dân. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra và cần phải có hình phạt nghiêm để có giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm tương tự.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét thêm về N thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Các bị cáo Trần Văn L và Trần Duy T có N thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tình tiết tăng nặng: không có.

Bị cáo Phan Trung N: Bị cáo N đã từng có 05 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích thì N tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp định khung hình phạt với tình tiết tái phạm nguy hiểm. Tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tình tiết tăng nặng: không có.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T1: bị cáo có N thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu. Tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tình tiết tăng nặng: không có.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện tại các bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập và điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về dân sự: bị hại Mai Tuyền L yêu cầu các bị cáo Trần Duy T và Trần Văn L phải liên đới bồi thường cho bị hại giá trị tài sản bị cướp với số tiền là 55.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 27.500.000 đồng. Ngày 04/11/2020 gia đình bị cáo Trần Duy T đã bồi thường cho bị hại Long số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo Trần Duy T tiếp tục bồi thường cho bị hại Long số tiền là 22.500.000 đồng và buộc bị cáo Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Long số tiền là 27.500.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại, 01 quần thun dài màu đen, 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 áo khoác dài tay của hãng xe ô tô công nghệ “Be” màu vàng - đen, 02 nón bảo hiểm của hãng xe ô tô công nghệ “Be” và 01 miếng ốp kim loại đế chân của xe Air Blade biển số 59V3 – 300.82 là những vật chứng liên quan đến tội phạm không còn giá trị sử dụng, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Redmi màu xanh thu giữ của Lợi, 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu đen thu giữ của N, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen thu giữ của T1 là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe gắn máy Luvias nhãn hiệu Yamaha biển số 59V1 – 136.26 do bà Đỗ Kim L đứng tên chủ sở hữu nhưng bà Liên xác nhận đã bán xe vào năm 2013 và nay không yêu cầu gì. Bị cáo Trần Văn L khai xe này do Lợi mua giấy tay vào ngày 29/7/2020 tại tiệm cầm đồ Hoàng Linh do ông Nguyễn Văn L làm chủ. Xét thấy chiếc xe này là phương tiện bị cáo L sử dụng chở bị cáo Trần Duy T thực hiện tội phạm nên

căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L (là người đã bán xe gắn máy Luvias nhãn hiệu Yamaha biển số 59V1 – 136.26 cho Trần Văn L) về việc yêu cầu Lợi trả lại cho ông Luân số tiền còn lại đã mua xe máy là 3.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên yêu cầu này của ông Nguyễn Văn L sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự bằng vụ án khác nếu ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu.

[8] Về án phí:

Các bị cáo Trần Duy T, Trần Văn L, Phan Trung N và Nguyễn Mạnh T1 phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Duy T và Trần Văn L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Văn L và bị cáo Trần Duy T phạm tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo Phan Trung N và bị cáo Nguyễn Mạnh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1/. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2020.

2/. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Duy T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2020.

3/. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Trung N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2020.

4/. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2020.

II. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại, 01 quần thun dài màu đen, 01 áo khoác dài tay màu đen, 01 áo khoác dài tay của hãng xe ô tô công nghệ “Be” màu vàng - đen, 02 nón bảo hiểm của hãng xe ô tô công nghệ “Be” và 01 miếng ốp kim loại để chân của xe Air Blade biển số 59V3 – 300.82.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động Redmi màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu đen.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 xe gắn máy Luvias nhãn hiệu Yamaha biển số 59V1 – 136.26 màu vàng – đen - xanh.

(Vật chứng của vụ án do Chi cục Thi hành án nhân dân sự huyện HM quản lý theo Lệnh nhập kho vật chứng số 02/LNK-CSĐT-HS ngày 16/11/2020 và Biên bản bàn giao vật chứng ngày 17/12/2020).

III. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo Trần Văn L bồi thường cho bị hại Mai Tuyền L số tiền là 27.500.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Trần Duy T bồi thường cho bị hại Mai Tuyền L số tiền là 22.500.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

IV. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trần Văn L, Trần Duy T, Phan Trung N và Nguyễn Mạnh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (bằng chữ: hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.375.000 đồng (bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bị cáo Trần Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng (bằng chữ: Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục thi hành án nhân dân sự có thẩm quyền.

V. Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án nhân dân sự thì người được thi hành án nhân dân sự, người phải thi hành án nhân

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Hóc Môn;
- VKSND Tp.HCM;
- CQĐT Công an H.HM;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H.HM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh